BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 852/MĐC-TCCB

V/v hướng dẫn đánh giá, phân loại năm học 2018-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-MĐC ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-MĐC ngày 27/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Nhà trường thông báo đến các đơn vị một số nội dung liên quan đến công tác đánh giá, phân loại viên chức như sau:

1. Việc tính khối lượng để phục vụ đánh giá, phân loại năm học 2018 - 2019 được tính theo Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy ban hành kèm theo Quyết định số 779/QĐ-MĐC ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Ngoài các biểu mẫu phải nộp theo quy định (mẫu số 01 phiếu đánh giá dành cho viên chức hành chính và kỹ sư, mẫu số phiếu 02 đánh giá dành cho giảng viên và các minh chứng kèm theo) đề nghị các đơn vị gửi file mềm bảng tổng hợp kết quả theo **phụ lục 1, phụ lục 2 và phụ lục 3** (kèm theo Công văn này) vào địa chỉ email: tochuccanbo@humg.edu.vn.

3. Do năm 2019, Nhà trường chủ trì công tác chấm thi THPT QG nên thời hạn nộp kết quả đánh giá, phân loại của các đơn vị nộp phòng Tổ chức - Cán bộ lùi tới **trước 17h00 ngày 12/7/2019**. Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(01).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số: 352 /MĐC-TCCB ngày 01 tháng 7 năm 2019)

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI NĂM HỌC 2018 - 2019

(Dành cho giảng viên)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ, chức danh	Điểm					Mức phân loại, đánh giá					
				Điểm tổng	Mục 1.1	Mục 1.2	Mục 2	Mục 3 ÷ 6	A^+	A	B^+	B	C	KĐG

Ghi chú: Đánh dấu X vào mức phân loại, đánh giá

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số: 352 /MĐC-TCCB ngày 01 tháng 7 năm 2019)

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI NĂM HỌC 2018 - 2019

Dành cho viên chức hành chính và kỹ sư

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ, chức danh	Điểm đánh giá hàng tháng												Mức phân loại đánh giá năm học 2018 - 2019
				07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018	01/2019	02/2019	03/2019	04/2019	05/2019	06/2019	
1																
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Công văn số: 352 /MĐC-TCCB ngày 01 tháng 7 năm 2019)

TỔNG HỢP BẢNG KÊ KHAI

(Sáng kiến, văn bản quy định nội bộ tham gia soạn thảo)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Tên sáng kiến, văn bản quy định nội bộ	Mô tả

Ghi chú: Mô tả rõ tham gia hay chủ trì, nội dung tham gia, ý nghĩa……

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 393/MĐC-TCCB
V/v hướng dẫn đánh giá, phân loại tập thể, cá nhân vàxét thi đua, khen thưởng năm học 2019-2020

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánhgiá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-MĐC ngày 27/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-MĐC ngày 30/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy và Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-MĐC ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-MĐC ngày 28/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng.

Nhà trường thông báo đến các đơn vị một số nội dung liên quan đến công tác đánh giá, phân loại tập thể, cá nhân và xét thi đua, khen thưởng năm học 2019 - 2020 như sau:

I. Công tác đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân

1. Việc tính khối lượng để phục vụ đánh giá, phân loại năm học 2019 - 2020 được tính theo Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy ban hành kèm theo Quyết định số 779/QĐ-MĐC ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa

chất và Quyết định số 558/QĐ-MĐC ngày 30/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy và Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân.

2. Thời gian đánh giá đối với viên chức hành chính là từ 01/7/2019 đến hết ngày 31/7/2020 và viên chức giảng dạy là từ 01/8/2019 đến hết 31/7/2020.

3. Ngoài các biểu mẫu phải nộp theo quy định (mẫu số 01 phiếu đánh giá dành cho viên chức hành chính và kỹ sư, mẫu số 02 phiếu đánh giá dành cho giảng viên, mẫu số 03 phiếu đánh giá cho cá nhân đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài và các minh chứng kèm theo), các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá, phân loại theo **Phụ lục 1, Phụ lục 2** và tổng hợp kê khai sáng kiến, văn bản quy định nội bộ tham gia soạn thảo theo **Phụ lục 3** (kèm theo Công văn này). Bản cứng gửi về Phòng Tổ chức - Cán bộ (đồng chí Lê Thị Thu), file mềm gửi vào địa chỉ email: tochuccanbo@humg.edu.vn.

4. Thời hạn nộp kết quả đánh giá, phân loại của các đơn vị và kế hoạch công tác năm học 2020 - 2021 nộp về phòng Tổ chức - Cán bộ trước 17h00 ngày 07/8/2020. Sau thời gian trên Phòng Tổ chức - Cán bộ không nhận kết quả đánh giá, phân loại của các đơn vị.

II. Công tác xét thi đua, khen thưởng

1. Các đơn vị tổ chức họp xét thi đua, khen thưởng và nộp kết quả xét thi đua, khen thưởng cấp Trường, đề nghị khen thưởng cấp Bộ năm học 2019 - 2020 về Phòng Hành chính - Tổng hợp trước 17h00 ngày 27/8/2020 (đồng chí Nguyễn Thị Thu Thảo nhận). Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: báo cáo thành tích, biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, tờ trình và minh chứng kèm theo.

2. Đối với các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước phải hoàn tất hồ sơ và nộp về Phòng Hành chính - Tổng hợp trước ngày 15/9/2020.

Đề nghị Trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 508/MĐC-TCCB
V/v hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể năm học 2020 - 2021

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Để triển khai công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể năm học 2020 - 2021, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị thực hiện một số nội dung như sau:

1. Thời gian đánh giá: từ 1/8/2020 đến hết 31/7/2021.

2. Đối với cấp Khoa và các đơn vị cấu thành của Khoa (Bộ môn và tương đương)

a) Bộ môn và tương đương (gọi tắt là bộ môn)

Chủ trì: Trưởng bộ môn hoặc Phó Trưởng bộ môn (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong bộ môn.

Nội dung:

- Hướng dẫn cá nhân kiểm tra, đối chiếu kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học (*số liệu Phòng TCCB tổng hợp và gửi các đơn vị*), một số lưu ý như sau:

+ Giờ quy đổi các mức:

Đơn vị tính: giờ

TT	Mức	Hoạt động giảng dạy và đào tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ
1	5% giờ quy đổi cao nhất toàn trường	1456	1758
2	30% giờ quy đổi cao nhất toàn trường	728	822

3	75% giờ quy đổi cao nhất toàn trường	307	285

+ Mức điểm đạt được tương ứng các bước nhảy:

Đơn vị tính: giờ

Bước nhảy	Điểm	Hoạt động giảng dạy và đào tạo		Hoạt động khoa học và công nghệ	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	101	307	354	285	345
2	102	354	400	345	404
3	103	400	447	404	464
4	104	447	494	464	524
5	105	494	541	524	583
6	106	541	588	583	643
7	107	588	635	643	703
8	108	635	681	703	762
9	109	681	728	762	822
10	110	≥ 728		≥ 822	

+ Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ nghiên cứu khoa học quy đổi cao nhất trong năm được cộng 5 điểm khuyến khích; Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm được cộng 10 điểm khuyến khích *(các hình thức khuyến khích cho viên chức giảng dạy xem BM-08a)*

- Tổ chức xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 2C (nếu có). Mức xếp loại và tiêu chí xếp loại chất lượng hàng năm đối với cá nhân xem quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Nhà trường.

- Kiểm tra khối lượng hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học và công nghệ, công việc khác và khuyến khích của các cá nhân thuộc Nhóm 3. *Chú ý: đối với cá nhân thuộc nhóm 3, Bộ môn không đánh giá KPIs_QL.*

- Lập bảng tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị và bản kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022 của Bộ môn theo BM-01a.

- Căn cứ dự kiến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân; đơn vị đề xuất mức xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trình Hội đồng Khoa thông qua.

Hồ sơ trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022: BM-01a

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

b) Đối với cấp Khoa

Chủ trì: Trưởng Khoa hoặc Phó Trưởng khoa (nếu được ủy quyền).

Thành phần: Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm Trưởng Khoa, Phó Trưởng Khoa, Chủ tịch công đoàn Khoa, Bí thư Liên chi đoàn Khoa, Trưởng, Phó Trưởng các đơn vị thuộc Khoa và tương đương.

Nội dung:

- Đánh giá KPIs_QL cho cá nhân thuộc nhóm 3E.

Chú ý:

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 3A, 3B và 3D, Hội đồng đánh giá cấp Khoa không đánh giá KPIs_QL (sử dụng kết quả đánh giá KPIs_QL của Nhà trường).

+ Đối với cá nhân thuộc nhóm 3E không phải là viên chức giảng dạy xem BM-08đ.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 3B, Nhóm 3D, Nhóm 3E, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị cấu thành và Khoa; lập bản kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022 của Khoa theo BM-01a; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a.

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022: BM-01a

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

3. Đối với các Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm (gọi tắt là đơn vị)

Chủ trì: Trưởng đơn vị hoặc Phó Trưởng đơn vị (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Nội dung:

- Căn cứ kết quả đánh giá KPIs_QL của Ban Giám hiệu, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 2, Nhóm 3C, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị; lập bản kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022 của đơn vị theo BM-01a; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2020 - 2021 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2, 3C): BM-09c

+ Kế hoạch công tác năm học 2021 - 2022: BM-01a (đơn vị đã gửi theo hướng dẫn tại Công văn số 455/MĐC-TCCB ngày 07/9/2021 về việc xếp loại phòng, ban và nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý năm học 2020 - 2021 nếu điều chỉnh kế hoạch thì gửi lại).

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể về phòng Tổ chức - Cán bộ **trước ngày 08/10/2021**, bản mềm gửi về địa chỉ email: kpihumg@humg.edu.vn (bản cứng đơn vị gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ, đồng chí Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận). Sau thời hạn trên phòng Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Các PHT (để phối hợp chỉ đạo);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

ĐƠN VỊ: .....

Phụ lục số 01

(Kèm theo Công văn số: 508 /MĐC-TCCB ngày 01 tháng 10 năm 2021)

TT	Họ và tên	Mã số CBVC	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Tổng điểm	Đề xuất mức xếp loại					Ghi chú
							A+	A	B	C	KĐG	
1	Nguyễn Văn A				3B	110	x					
2	Nguyễn Văn B				1	100		x				
3	Nguyễn Văn C				2	-			x			
4	Nguyễn Văn D										x	
5												
6												
7												
8												
9												
10												
11												
...												
....												
....												
...												
....												
Tổng cộng												

Trưởng đơn vị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số : 552 /MĐC-TCCB
V/v hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân năm học 2021- 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Quyết định 3277/QĐ-BGDĐT năm 2021 về Quy chế Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Để kịp thời triển khai công tác đánh giá, xếp loại tập thể và cá nhân năm học 2021 - 2022 được kịp thời, chính xác, Nhà trường hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Thời gian đánh giá: từ 1/8/2021 đến hết 31/7/2022

2. Đối với cấp Khoa và các đơn vị cấu thành của Khoa (Bộ môn và tương đương)

a) Bộ môn và tương đương (gọi tắt là bộ môn).

Chủ tri: Trưởng bộ môn hoặc Phó Trưởng bộ môn (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong bộ môn.

Nội dung:

- Hướng dẫn cá nhân kiểm tra, đối chiếu kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong năm học (*số liệu Phòng TCCB đã tổng hợp và gửi các đơn vị*), một số lưu ý như sau:

+ Hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học công nghệ tương ứng các ngưỡng 30%, 50%, 75% giảng viên có khối lượng giờ giảng dạy quy đổi và tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (NCKH) quy đổi cao nhất toàn Trường, cụ thể:

TT	Ngưỡng	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH
1	30%	736	373 %
2	50%	500	256%
3	75%	271	160%

+ Mức điểm đạt được mức hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo và khoa học công nghệ tương ứng các bước nhảy:

Bước nhảy	Điểm	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	91	271	294	160%	170%
2	92	294	317	170%	179%
3	93	317	340	179%	189%
4	94	340	363	189%	198%
5	95	363	386	198%	208%
6	96	386	409	208%	218%
7	97	409	432	218%	227%
8	98	432	455	227%	237%
9	99	455	478	237%	246%
10	100	478	501	246%	256%

+ Mức điểm đạt được mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo và khoa học công nghệ tương ứng các bước nhảy:

Bước nhảy	Điểm	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH	
		Từ	Đến	Từ	Đến
1	101	501	528	256%	270%
2	102	528	554	270%	283%
3	103	554	580	283%	296%
4	104	580	606	296%	309%
5	105	606	632	309%	322%
6	106	632	658	322%	335%
7	107	658	684	335%	348%
8	108	684	710	348%	361%
9	109	710	736	361%	373%

+ Khuyến khích giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH cao nhất toàn trường (KPIs_KK_2), cụ thể:

Nội dung	Tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn NCKH		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	> 774%		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	638%	774%	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	534%	638%	3
Giảng viên trong nhóm từ 15 đến 20% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	469%	534%	2
Giảng viên trong nhóm từ 20 đến 25% giảng viên có tỷ lệ hoàn thành giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cao nhất toàn Trường	427%	469%	1

+ Khuyến khích giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất toàn trường (KPIs_KK_5), cụ thể:

Nội dung	Khối lượng giờ giảng dạy quy đổi		Điểm khuyến khích
	Từ	Đến	
Giảng viên trong nhóm 5% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	> 1490		5
Giảng viên trong nhóm từ 5% đến 10% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1231	1490	4
Giảng viên trong nhóm từ 10% đến 15% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	1068	1230	3
Giảng viên trong nhóm từ 15% đến 20% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	930	1067	2
Giảng viên trong nhóm từ 20% đến 25% giảng viên có tổng số giờ giảng dạy quy đổi cao nhất trong năm.	820	929	1

+ Mức xếp loại chất lượng của cá nhân có điểm khuyến khích chỉ được tăng tối đa 01 mức so với mức xếp loại chất lượng cá nhân đó đạt được khi chưa xét điểm khuyến khích.

- Tổ chức xếp loại chất lượng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 2C (nếu có). Mức xếp loại và tiêu chí xếp loại chất lượng năm học hằng năm đối với cá nhân xem quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 và Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Kiểm tra khối lượng hoạt động giảng dạy và đào tạo, khoa học và công nghệ, công việc khác và khuyến khích của các cá nhân thuộc nhóm 3. *Chú ý: đối với cá nhân thuộc nhóm 3, Bộ môn không đánh giá KPIs_QL.*

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị.

- Căn cứ dự kiến kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân; đơn vị đề xuất mức xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trình Hội đồng Khoa thông qua.

Hồ sơ trình Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01 kèm theo công văn này.

b) Đối với cấp Khoa

Chủ trì: Trưởng Khoa hoặc phó Trưởng khoa (nếu được ủy quyền).

Thành phần: Hội đồng đánh giá cấp Khoa gồm Trưởng Khoa, Phó trưởng Khoa, Chủ tịch công đoàn Khoa, Bí thư Liên chi đoàn Khoa, Trưởng, phó Trưởng các đơn vị thuộc Khoa và tương đương.

Nội dung:

- Đánh giá KPIs_QL cho cá nhân thuộc nhóm 3E; đối với cá nhân thuộc nhóm 3E không phải là viên chức giảng dạy xem BM-08đ. Lưu ý: không đánh giá KPIs_QL của nhóm 3A, 3B, 3D; đối với cá nhân thuộc nhóm 3B, 3D sử dụng kết quả đánh giá KPIs_QL của Ban Giám hiệu.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 1, Nhóm 3B, Nhóm 3D, Nhóm 3E, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09a, BM09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị cấu thành và Khoa; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 1, nhóm 3): BM-09a.

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2): BM-09c

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

3. Đối với các Phòng, Văn phòng, Ban, Trung tâm, Trạm (gọi tắt là đơn vị)

Chủ trì: Trưởng đơn vị hoặc phó Trưởng đơn vị (nếu được ủy quyền).

Thành phần: toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị.

Nội dung:

- Căn cứ kết quả đánh giá KPIs_QL của Ban Giám hiệu, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân thuộc Nhóm 2, Nhóm 3C, đóng góp ý kiến cho cá nhân thuộc nhóm 3A (nếu có).

- Lập bản tổng hợp kết quả đánh giá theo BM-09c, đề xuất mức xếp loại chất lượng tập thể của đơn vị; trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Hồ sơ trình Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường gồm:

+ Bảng tổng hợp kết quả mục tiêu KPIs năm học 2021 - 2022 (áp dụng cá nhân thuộc nhóm 2, 3C): BM-09c

+ Biên bản họp xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân: BM-10 và Phụ lục số 01.

Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể về phòng Tổ chức - Cán bộ **trước ngày 20/10/2022**, bản mềm gửi về địa chỉ email: kpihumg@humg.edu.vn (bản cứng đơn vị gửi về phòng Tổ chức - Cán bộ, đồng chí Đoàn Nguyễn Thanh Hương nhận). Sau thời hạn trên phòng Tổ chức – Cán bộ tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng, Hội đồng đánh giá cấp Trường, Hội đồng trường xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eoffice;
- Lưu: HCTH, TCCB

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Phụ lục số 01

TT	Họ và tên	Mã số CBVC	Đơn vị	Chức vụ	Nhóm	Tổng điểm	Đề xuất mức xếp loại			
							A+	A	B	C
1	Nguyễn Văn A				3B	110	x			
2	Nguyễn Văn B				1	100		x		
3	Nguyễn Văn C				2	-			x	
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
....										
Tổng cộng										

Trưởng đơn vị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 126 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, viên chức là thành viên HĐT và tập thể năm học 2023 - 2024

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 76/TTr-MĐC ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng về việc xem xét quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2023 - 2024;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 12/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, viên chức là thành viên HĐT và tập thể năm học 2023 - 2024 gồm các cá nhân và tập thể có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS.TS Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ VIÊN CHỨC LÀ THÀNH VIÊN HĐT NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 126 /NQ-HĐT ngày 19 tháng 11 năm 2024)

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện		x			
5	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện		x			
6	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
7	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
8	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện		x			
9	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện		x			
10	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện		x			
11	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện		x			
12	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện		x			
13	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện		x			
16	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
19	Lê Văn Hưng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
20	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin	x				
21	Diêm Công Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
22	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
23	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ thông tin		x			
24	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin		x			
25	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
26	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
27	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
28	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
29	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin		x			
30	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
31	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
32	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
33	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin	x				
34	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
35	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
36	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
37	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
38	Nguyễn Thế Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
39	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
40	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
41	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
42	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
43	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
44	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
45	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
46	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
47	Hoàng Anh Dũng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
48	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
49	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
50	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
51	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
52	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
53	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
54	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
55	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
56	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
57	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
58	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
59	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
60	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản			x		
61	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
62	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
63	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
64	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			
65	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
66	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản		x			
67	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
68	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
69	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản	x				
70	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
71	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
72	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
73	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
74	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
75	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
76	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
77	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
78	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
79	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
80	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
81	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
82	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
83	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
84	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
85	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
86	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
87	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
88	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa KT-QTKD	x				
89	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa KT-QTKD		x			
90	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa KT-QTKD		x			
91	Trần Anh Dũng	Khoa KT-QTKD		x			
92	Phí Mạnh Cường	Khoa KT-QTKD	x				
93	Vũ Diệp Anh	Khoa KT-QTKD		x			
94	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa KT-QTKD	x				
95	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa KT-QTKD	x				
96	Lê Minh Thống	Khoa KT-QTKD	x				
97	Nguyễn Ngọc Khánh	Khoa KT-QTKD		x			
98	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa KT-QTKD	x				
99	Đồng Thị Bích	Khoa KT-QTKD	x				
100	Đào Anh Tuấn	Khoa KT-QTKD		x			
101	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị		x			
102	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
103	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị		x			
104	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x				
105	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
106	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ		x			
107	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ		x			
108	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ		x			
109	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ		x			
110	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ		x			
111	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ		x			
112	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ		x			
113	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ		x			
114	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ		x			
115	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ			x		
116	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường		x			
117	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường		x			
118	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường		x			
119	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường			x		
120	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x			
121	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường		x			
122	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x			
123	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
124	Trần Trung Anh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
125	Nguyễn Văn Trung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
126	Trần Hồng Hạnh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
127	Nguyễn Gia Trọng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
128	Phạm Ngọc Quang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
129	Nguyễn Việt Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
130	Lê Đức Tình	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
131	Phạm Quốc Khánh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
132	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
133	Nguyễn Quốc Long	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
134	Phạm Văn Chung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
135	Dương Thành Trung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
136	Lưu Anh Tuấn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
137	Hoàng Thị Thủy	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
138	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
139	Phạm Thế Huynh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
140	Đinh Hải Nam	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
141	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
142	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
143	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x				
144	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng		x			
145	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x				
146	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng		x			
147	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng		x			
148	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	x				
149	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng	x				
150	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng		x			
151	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	x				
152	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
153	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
154	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
155	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
156	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
157	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm y tế		x			
158	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
159	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
160	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng TCCB	x				
161	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể	x				
Tổng			**41**	**111**	**9**	**0**	**0**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 1126 /NQ-HĐT ngày 19 tháng 11 năm 2024)

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa, Bộ môn**				
1	**Khoa Cơ - Điện**		x		
2	Bộ môn Điện khí hóa	x			
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		x		
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử		x		
5	Bộ môn Máy và Thiết bị công nghiệp		x		
6	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí		x		
7	Xưởng Cơ - Điện		x		
8	**Khoa Công nghệ thông tin**	x			
9	Bộ môn Tin học Kinh tế		x		
10	Bộ môn Khoa học máy tính		x		
11	Bộ môn Mạng máy tính		x		
12	Bộ môn Tin học Địa chất			x	
13	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức		x		
14	Bộ môn Tin học Trắc địa		x		
15	Bộ môn Công nghệ phần mềm		x		
16	Phòng TN Địa - Tin học		x		
17	**Khoa Dầu khí và năng lượng**		x		
18	Bộ môn Địa chất dầu			x	
19	Bộ môn Địa vật lý		x		
20	Bộ môn Khoan - Khai thác		x		
21	Bộ môn Lọc - Hóa dầu	x			
22	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình		x		
23	**Khoa Giáo dục quốc phòng**		x		
24	Bộ môn Đường lối quân sự		x		
25	Bộ môn Kỹ thuật quân sự		x		
26	**Khoa Khoa học cơ bản**		x		
27	Bộ môn Cơ lý thuyết		x		
28	Bộ môn Giáo dục thể chất		x		
29	Bộ môn Hình họa			x	
30	Bộ môn Hóa			x	
31	Bộ môn Ngoại ngữ			x	
32	Bộ môn Toán	x			

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
33	Bộ môn Vật lý		x		
34	**Khoa Khoa học và KTĐC**		x		
35	Bộ môn Địa chất		x		
36	Bộ môn Địa chất công trình		x		
37	Bộ môn Địa chất Thủy văn			x	
38	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa		x		
39	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò		x		
40	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
41	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	x			
42	Bộ môn QTDN Mỏ	x			
43	Bộ môn Kinh tế cơ sở		x		
44	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	x			
45	**Khoa Lý luận chính trị**		x		
46	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN		x		
47	Bộ môn Triết học và Pháp luật		x		
48	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH		x		
49	**Khoa Mỏ**		x		
50	Bộ môn Khai thác hầm lò		x		
51	Bộ môn Khai thác lộ thiên		x		
52	Bộ môn Sức bền vật liệu		x		
53	Bộ môn Tuyển khoáng		x		
54	**Khoa Môi trường**		x		
55	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT		x		
56	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường		x		
57	Bộ môn QLTN và môi trường		x		
58	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**	x			
59	Bộ môn Bản đồ			x	
60	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	x			
61	Bộ môn Trắc địa Cao cấp		x		
62	Bộ môn Trắc địa Công trình		x		
63	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
64	Bộ môn Địa chính		x		
65	Bộ môn Trắc địa Phổ thông		x		
66	Tổ máy Trắc địa		x		
67	**Khoa Xây dựng**	x			
68	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
69	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
70	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	x			
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác chính trị - SV		x		

TT	Đơn vị	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo Đại học		x		
4	Phòng Đạo tạo sau đại học		x		
5	Phòng ĐBCLGD		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x		
7	Phòng Hợp tác quốc tế		x		
8	Phòng KHCN	x			
9	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
10	Phòng Quan hệ CC và DN		x		
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x		
12	Phòng Xuất bản			x	
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x		
14	VP Đảng - Đoàn thể		x		
15	Trạm y tế		x		
16	Trung tâm dịch vụ		x		
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x		
18	Trung tâm PTTN CN cao		x		
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x		
20	Ban quản lý các dự án	x			
21	Văn phòng Đại diện		x		
	Tổng	**17**	**65**	**8**	**0**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 127 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2023 - 2024

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BGDĐT ngày 25/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 53/TTr-MĐC ngày 13/9/2023 của Hiệu trưởng về việc xem xét quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 21/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng của Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng năm học 2023 - 2024 như sau:

1) PGS.TS Trần Xuân Trường - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2) GS.TS Trần Thanh Hải - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3) PGS.TS Triệu Hùng Trường - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Điều 2. Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Cán sự Đảng Bộ GDĐT (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ GDĐT (để b/c);
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(08).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS.TS Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1845 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 sửa đổi,;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-MĐC ngày 19/7/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và sáng kiến, thi đua khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 10/10/2024 của Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2023 - 2024 và cuộc họp ngày 01/11/2024 của Thường trực Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2023 - 2024 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ) NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: 1815 /QĐ-MĐC ngày 18 tháng 11 năm 2024)

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện			x		
3	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
4	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
5	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện		x			
6	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x			
7	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện		x			
8	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
9	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
10	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
11	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
12	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện		x			
13	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện		x			
16	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x		
18	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
19	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
20	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện	x				
21	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
23	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
24	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện					x
25	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện		x			
26	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
27	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện			x		
28	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện		x			
29	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện		x			
30	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
31	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
32	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
33	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện		x			
34	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện		x			
35	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện		x			
36	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
37	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
38	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin		x			
39	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin					x
40	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
41	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin			x		

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
42	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
43	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
44	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin		x			
45	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin		x			
46	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin		x			
47	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
48	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin		x			
49	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
50	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin			x		
51	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
52	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x			
53	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
54	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
55	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
56	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
57	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
59	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
60	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin		x			
61	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
62	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
63	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
64	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
65	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
66	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
67	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin	x				
68	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
69	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x			
70	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin		x			
71	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
72	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
73	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
74	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin		x			
75	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin		x			
76	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
77	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
78	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
79	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
80	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
81	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
82	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
83	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
84	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
85	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
86	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
87	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
88	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
89	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
90	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
91	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
92	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
93	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
94	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
95	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
96	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
97	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
98	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
99	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
100	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
101	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
102	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
103	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
104	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
105	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
106	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
107	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
108	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
109	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
110	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
111	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
112	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
113	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
114	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
115	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
116	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
117	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
118	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
119	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
120	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
121	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
122	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
123	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản			x		
124	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
125	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
126	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
127	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
128	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
129	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
130	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
131	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
132	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
133	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
134	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
135	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
136	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
137	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
138	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
139	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
140	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
141	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
142	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
143	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
144	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
145	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản		x			
146	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản		x			
147	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
148	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
149	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x		
150	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
151	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
152	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
153	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
154	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
155	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
156	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
157	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
158	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
159	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
161	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
162	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
163	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
164	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
165	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
166	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
167	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
168	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
169	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản			x		
170	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
171	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
172	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
173	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
174	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản			x		
175	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
176	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
177	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
178	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
179	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
180	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
181	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
182	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
183	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x
184	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x
185	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC					x
186	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
187	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
188	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
189	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
190	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
191	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
192	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
193	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
194	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
195	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
196	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
197	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
198	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
199	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
200	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
201	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x
202	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
203	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
204	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
205	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
206	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
207	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
208	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
209	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
210	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
211	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
212	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
213	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x
214	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
215	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
216	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
217	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
218	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
219	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
220	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
221	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
222	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
223	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
224	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
225	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa KT - QTKD					x
226	Phạm Minh Hải	Khoa KT - QTKD			x		
227	Phạm Thị Châu Giang	Khoa KT-QTKD	x				
228	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa KT-QTKD		x			
229	Trần Thị Khánh Vân	Khoa KT-QTKD			x		
230	Lưu Thị Thu Hà	Khoa KT-QTKD	x				
231	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa KT-QTKD	x				
232	Phí Thị Kim Thư	Khoa KT-QTKD		x			
233	Phạm Thu Hương	Khoa KT-QTKD	x				
234	Dương Thị Nhàn	Khoa KT-QTKD		x			
235	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa KT-QTKD	x				
236	Lê Thị Thu Hồng	Khoa KT-QTKD		x			
237	Hoàng Thị Thủy	Khoa KT-QTKD	x				
238	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa KT-QTKD		x			
239	Phan Minh Quang	Khoa KT-QTKD	x				
240	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa KT-QTKD		x			
241	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa KT-QTKD		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
242	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa KT-QTKD		x			
243	Phạm Thu Trang	Khoa KT-QTKD		x			
244	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa KT-QTKD		x			
245	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa KT-QTKD		x			
246	Đỗ Hữu Tùng	Khoa KT-QTKD		x			
247	Trần Văn Hiệp	Khoa KT-QTKD	x				
248	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa KT-QTKD	x				
249	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa KT-QTKD	x				
250	Nguyễn Thu Hà	Khoa KT-QTKD		x			
251	Lê Thị Thu Hường	Khoa KT-QTKD		x			
252	Nguyễn Đức Thắng	Khoa KT-QTKD		x			
253	Phan Thị Thùy Linh	Khoa KT-QTKD		x			
254	Nguyễn Thị Hường	Khoa KT-QTKD		x			
255	Lê Đình Chiều	Khoa KT-QTKD	x				
256	Phạm Kiên Trung	Khoa KT-QTKD	x				
257	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa KT-QTKD		x			
258	Lê Văn Chiến	Khoa KT-QTKD	x				
259	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị		x			
260	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị		x			
261	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị		x			
262	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị		x			
263	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
264	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị			x		
265	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị		x			
266	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị		x			
267	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị		x			
268	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị		x			
269	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị		x			
270	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
271	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x			
272	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ			x		
273	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ		x			
274	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
275	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ			x		
276	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ		x			
277	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
278	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
279	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ		x			
280	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ			x		
281	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ			x		
282	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
283	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ		x			
284	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ		x			
285	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ		x			
286	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
287	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ					x
288	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ		x			
289	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ		x			
290	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ		x			
291	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
292	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
293	Trần Văn Được	Khoa Mỏ		x			
294	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ		x			
295	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
296	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ	x				
297	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ		x			
298	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
299	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
300	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x				
301	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ		x			
302	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
303	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x		
304	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
305	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
306	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường		x			
307	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
308	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường		x			
309	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
310	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
311	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường			x		
312	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
313	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường		x			
314	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường		x			
315	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường		x			
316	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			
317	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				
318	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
319	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
320	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường	x				
321	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
322	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
323	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
324	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường					x
325	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường		x			
326	Dương Anh Quân	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x		
327	Phạm Văn Hiệp	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x		
328	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x		
329	Nguyễn Danh Đức	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
330	Trần Vân Anh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
331	Trần Thanh Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
332	Lê Thanh Nghị	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
333	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
334	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
335	Nguyễn Văn Sáng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
336	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
337	Nguyễn Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
338	Phạm Trung Dũng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
339	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
340	Trần Thuỳ Linh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x		
341	Phạm Công Khải	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
342	Lê Thị Thu Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
343	Võ Ngọc Dũng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
344	Phạm Thị Làn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
345	Lê Văn Cảnh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
346	Hoàng Ngọc Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
347	Nguyễn Quang Minh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
348	Lê Ngọc Giang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x		
349	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
350	Hoàng Anh Tuấn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x		
351	Nguyễn Thị Dung	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
352	Trần Đình Thành	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
353	Nguyễn Thế Công	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
354	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
355	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
356	Trần Xuân Miễn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
357	Phùng Minh Sơn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ			x		
358	Trần Thùy Dương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
359	Nguyễn Thị Hiền	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
360	Trần Anh Tuấn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
361	Trương Minh Hùng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
362	Nguyễn Thị Mến	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
363	Cù Thị Thu Hà	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
364	Nguyễn Quang Thắng	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ		x			
365	Tạ Thị Thu Hường	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ	x				
366	Trần Thị Hương Giang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
367	Lê Thu Trang	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
368	Nguyễn Minh Hải	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
369	Nguyễn Bá Duy	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
370	Bùi Khắc Luyên	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
371	Nguyễn Thái Chinh	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
372	Vũ Đình Toàn	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
373	Kim Thị Thu Hương	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
374	Nguyễn Văn Lâm	Khoa TĐ-BĐ và QLĐĐ					x
375	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
376	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng		x			
377	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
378	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng		x			
379	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
380	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
381	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
382	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
383	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng		x			
384	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
385	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
386	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
387	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
388	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
389	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
390	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng			x		
391	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
392	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng		x			
393	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng		x			
394	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng			x		
395	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
396	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
397	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng		x			
398	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	x				
399	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án	x				
400	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án		x			
401	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án		x			
402	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	x				
403	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x			
404	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x			
405	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
406	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất		x			
407	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
408	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
409	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất		x			
410	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất	x				
411	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất		x			
412	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
413	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất		x			
414	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
415	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất		x			
416	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất	x				
417	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
418	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất		x			
419	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
420	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
421	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
422	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
423	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - SV	x				
424	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
425	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
426	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học		x			
427	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học		x			
428	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học		x			
429	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học		x			
430	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học		x			
431	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học	x				
432	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học		x			
433	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học		x			
434	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	x				
435	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học		x			
436	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học		x			
437	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đạo tạo sau đại học		x			
438	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đạo tạo sau đại học		x			
439	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đạo tạo sau đại học		x			
440	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
441	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
442	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD		x			
443	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD	x				
444	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
445	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
446	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
447	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
448	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
449	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
450	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
451	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
452	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
453	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
454	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
455	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
456	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
457	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
458	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
459	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
460	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
461	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
462	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
463	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
464	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
465	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
466	Đặng Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế			x		
467	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
468	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
469	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
470	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
471	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
472	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
473	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
474	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
475	Nguyễn Thị Thu	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
476	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học - Công nghệ		x			
477	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học - Công nghệ	x				
478	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học - Công nghệ	x				
479	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học - Công nghệ		x			
480	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
481	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
482	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
483	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
484	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
485	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
486	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
487	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
488	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
489	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
490	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x			
491	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản			x		

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
492	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế	x				
493	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế		x			
494	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế		x			
495	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x			
496	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
497	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
498	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
499	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
500	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ		x			
501	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
502	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
503	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
504	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
505	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			
506	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
507	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
508	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
509	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
510	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
511	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
512	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
513	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao		x			
514	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
515	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
516	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
517	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
518	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
519	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
520	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
521	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
522	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
523	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
524	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
525	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
526	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
527	Vũ Thu Hường	Văn phòng chương trình tiến tiến		x			
528	Phạm Quang Ba	Văn phòng chương trình tiến tiến		x			
529	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng chương trình tiến tiến					x
530	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện		x			
531	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
532	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
533	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			
744	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			
Tổng			**84**	**318**	**78**	**1**	**53**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 104 /NQ-HĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, thành viên HĐT là viên chức của Trường và tập thể năm học 2024 - 2025

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-BGDĐT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Tờ trình số 101/TTr-MĐC ngày 09/12/2025 của Hiệu trưởng về việc xem xét quyết định mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024 - 2025;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 10/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức quản lý, thành

viên Hội đồng trường là viên chức của Trường và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức quản lý, thành viên HĐT là viên chức của Trường và tập thể năm học 2024 - 2025 gồm các cá nhân và tập thể có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(01).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS.TS Trần Xuân Trường

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG LÀ VIÊN CHỨC CỦA TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 104 /NQ-HĐT ngày 10 tháng 12 năm 2025)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Nguyễn Thế Lộc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
2	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ thông tin		x			
3	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
4	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
5	Lê Hồng Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
6	Nguyễn Duy Huy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
7	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ thông tin		x			
8	Trần Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
9	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
10	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
11	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa Công nghệ thông tin		x			
12	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ thông tin		x			
13	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
14	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	x				
15	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	x				
16	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
19	Phạm Đức Thiên	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
21	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện		x			
23	Nguyễn Thạc Khánh	Khoa Cơ - Điện		x			
24	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện		x			
25	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện	x				
26	Đặng Văn Chí	Khoa Cơ - Điện		x			
27	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
28	Khổng Cao Phong	Khoa Cơ - Điện		x			
29	Nguyễn Đức Khoát	Khoa Cơ - Điện		x			
30	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện		x			
31	Phạm Văn Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
32	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
33	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
34	Lê Quang Duyến	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
35	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
36	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
37	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
38	Công Ngọc Thắng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
39	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
40	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
41	Tống Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
42	Nguyễn Thanh Tuấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
43	Lê Đức Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
44	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
45	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
46	Bùi Thị Thu Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
47	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
48	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
49	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
50	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
51	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
52	Trần Anh Dũng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
53	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
54	Lê Minh Thống	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
55	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
56	Đào Anh Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
57	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
58	Phạm Ngọc Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
59	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
60	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
61	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
62	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
63	Công Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
64	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
65	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
66	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			
67	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
68	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản		x			
69	Dương Thúy Hường	Khoa Khoa học cơ bản		x			
70	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
71	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản		x			
72	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
73	Phạm Tuấn Cường	Khoa Khoa học cơ bản		x			
74	Nguyễn Thị Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
75	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
76	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
77	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
78	Ngô Xuân Thành	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
79	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
80	Bùi Trường Sơn	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
81	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
82	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
83	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
84	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
85	Lương Quang Khang	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
86	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
87	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
88	Bùi Hoàng Bắc	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
89	Tô Xuân Bản	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
90	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
91	Trần Thị Phúc An	Khoa Lý luận chính trị	x				
92	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị		x			
93	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
94	Phí Mạnh Phong	Khoa Lý luận chính trị		x			
95	Nguyễn Cao Khải	Khoa Mỏ		x			
96	Vũ Trung Tiến	Khoa Mỏ		x			
97	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ		x			
98	Bùi Mạnh Tùng	Khoa Mỏ	x				
99	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ		x			
100	Phạm Văn Hòa	Khoa Mỏ		x			
101	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ		x			
102	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Mỏ		x			
103	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ		x			
104	Phạm Văn Luận	Khoa Mỏ		x			
105	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ		x			
106	Nhữ Thị Kim Dung	Khoa Mỏ		x			
107	Đỗ Văn Bình	Khoa Môi trường		x			
108	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường		x			
109	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường		x			
110	Đào Đình Thuần	Khoa Môi trường			x		
111	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x			
112	Nguyễn Quốc Phi	Khoa Môi trường		x			
113	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường		x			
114	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
115	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
116	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
117	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
118	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
119	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
120	Nguyễn Việt Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
121	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
122	Lê Đức Tình	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
123	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
124	Nguyễn Viết Nghĩa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
125	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
126	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
127	Dương Thành Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
128	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
129	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
130	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
131	Phạm Thế Huynh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
132	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
133	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
134	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng		x			
135	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng	x				
136	Đỗ Ngọc Anh	Khoa Xây dựng	x				
137	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	x				
138	Đặng Trung Thành	Khoa Xây dựng		x			
139	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng		x			
140	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng		x			
141	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng		x			
142	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng		x			
143	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án		x			
144	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
145	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
146	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
147	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
148	Nguyễn Kim Chung	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
149	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm y tế		x			
150	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
151	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
152	Trần Thị Thu Trang	VP Đảng - Đoàn thể		x			
153	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng TCCB	x				

KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 104/NQ-HĐT ngày 10 tháng 12 năm 2025)

TT	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
A	**Khối Khoa, Bộ môn**				
1	**Khoa Cơ - Điện**		x		
2	Bộ môn Điện khí hóa		x		
3	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí		x		
4	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử		x		
5	Bộ môn Máy và Thiết bị công nghiệp	x			
6	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí		x		
7	Xưởng Cơ - Điện		x		
8	**Khoa Công nghệ thông tin**		x		
9	Bộ môn Tin học Kinh tế		x		
10	Bộ môn Khoa học máy tính		x		
11	Bộ môn Mạng máy tính		x		
12	Bộ môn HT Thông tin và Tri thức		x		
13	Bộ môn Tin học Trắc địa		x		
14	Bộ môn Công nghệ phần mềm		x		
15	Phòng TN Địa - Tin học		x		
16	**Khoa Dầu khí và năng lượng**		x		
17	Bộ môn Địa chất dầu			x	
18	Bộ môn Địa vật lý		x		
19	Bộ môn Khoan - Khai thác		x		
20	Bộ môn Lọc - Hóa dầu		x		
21	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình		x		
22	**Khoa Giáo dục quốc phòng**	x			
23	Bộ môn Đường lối quân sự	x			
24	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	x			
25	**Khoa Khoa học cơ bản**		x		
26	Bộ môn Cơ lý thuyết		x		
27	Bộ môn Giáo dục thể chất		x		
28	Bộ môn Hình họa			x	
29	Bộ môn Hóa		x		
30	Bộ môn Ngoại ngữ		x		
31	Bộ môn Toán		x		
32	Bộ môn Vật lý		x		

TT	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
33	**Khoa Khoa học và KTĐC**		x		
34	Bộ môn Địa chất		x		
35	Bộ môn Địa chất công trình		x		
36	Bộ môn Địa chất Thủy văn		x		
37	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa		x		
38	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò		x		
39	**Khoa Kinh tế - QTKD**	x			
40	Bộ môn QTDN Địa chất - Dầu khí	x			
41	Bộ môn QTDN Mỏ	x			
42	Bộ môn Kinh tế cơ sở		x		
43	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp		x		
44	**Khoa Lý luận chính trị**		x		
45	Bộ môn Kinh tế CT và LSĐCS VN		x		
46	Bộ môn Triết học và Pháp luật		x		
47	Bộ môn Tư tưởng HCM và CNXHKH		x		
48	**Khoa Mỏ**		x		
49	Bộ môn Khai thác hầm lò		x		
50	Bộ môn Khai thác lộ thiên		x		
51	Bộ môn Sức bền vật liệu		x		
52	Bộ môn Tuyển khoáng		x		
53	**Khoa Môi trường**		x		
54	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT		x		
55	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường		x		
56	Bộ môn QLTN và môi trường		x		
57	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**		x		
58	Bộ môn Bản đồ	x			
59	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám		x		
60	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	x			
61	Bộ môn Trắc địa Công trình		x		
62	Bộ môn Trắc địa Mỏ	x			
63	Bộ môn Địa chính		x		
64	Bộ môn Trắc địa Phổ thông		x		
65	Tổ máy Trắc địa		x		
66	**Khoa Xây dựng**	x			
67	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	x			
68	Bộ môn Xây dựng CTN và Mỏ	x			
69	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở		x		

TT	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng			
		A+	A	B	C
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**				
1	Phòng Công tác chính trị - SV		x		
2	Phòng Cơ sở vật chất		x		
3	Phòng Đào tạo Đại học		x		
4	Phòng Đạo tạo sau đại học	x			
5	Phòng ĐBCLGD		x		
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x		
7	Phòng Hợp tác quốc tế	x			
8	Phòng KHCN		x		
9	Phòng Kế hoạch Tài chính		x		
10	Phòng Quan hệ CC và DN		x		
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x		
12	Phòng Xuất bản		x		
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x		
14	VP Đảng - Đoàn thể		x		
15	Trạm y tế		x		
16	Trung tâm dịch vụ		x		
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x			
18	Trung tâm PTTN CN cao		x		
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x		
20	Ban quản lý các dự án	x			
21	Văn phòng Đại diện		x		

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 105 /NQ-HĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024 - 2025

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-BGDĐT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 11/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thông qua mức đánh giá, xếp loại chất lượng của Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng năm học 2024 - 2025 như sau:

1) PGS.TS Trần Xuân Trường - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2) GS.TS Trần Thanh Hải - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3) PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4) PGS.TS Triệu Hùng Trường - Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5) PGS.TS Nguyễn Thế Vinh - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Điều 2. Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Cán sự Đảng Bộ GDĐT (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ GDĐT (để b/c);
- Đảng ủy Trường (để b/c);
- Các thành viên HĐT, BGH (để t/hiện);
- Như Điều 2 (để t/hiện);
- HUMG EOFFICE;
- Lưu: HCTH, HĐT, TCCB(08).

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

PGS.TS Trần Xuân Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 2977 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 sửa đổi;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-BGDĐT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên hức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 2720/QĐ-MĐC ngày 14/11/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và sáng kiến, thi đua khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 04/12/2025 của Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2024 - 2025 và cuộc họp ngày 09/12/2025 của Thường trực Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2024 - 2025 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải



KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1977/QĐ-MĐC ngày 11 tháng 12 năm 2025)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
2	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
3	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
4	Ngô Ngọc Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
5	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin		x			
6	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin		x			
7	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
8	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin			x		
9	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin		x			
10	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
11	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
12	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
13	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin			x		
14	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
15	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
16	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
17	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
18	Nguyễn Thị Hải yến	Khoa Công nghệ thông tin		x			
19	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin		x			
20	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin		x			
21	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
22	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
23	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
24	Trương xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
25	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin		x			
26	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
27	Nguyên Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x			
28	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin		x			
29	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
30	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
31	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
32	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
33	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
34	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin			x		
35	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
36	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
37	Nguyễn Văn Thắng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
38	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
39	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
40	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
41	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
42	Phạm Hữu Lợi	Khoa Công nghệ thông tin		x			
43	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
45	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện			x		
46	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện		x			
47	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện		x			
48	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện		x			
49	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
50	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện		x			
51	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện			x		
52	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
53	Nguyễn Thành Đức	Khoa Cơ - Điện		x			
54	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
55	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện		x			
56	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
57	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện		x			
58	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện		x			
59	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
60	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện		x			
61	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
62	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện	x				
63	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	x				
64	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
65	Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Cơ - Điện		x			
66	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
67	Lê Văn Quang	Khoa Cơ - Điện			x		
68	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện		x			
69	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
70	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
71	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện		x			
72	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện		x			
73	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện		x			
74	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện		x			
75	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện		x			
76	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
77	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
78	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện		x			
79	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
80	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện		x			
81	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
82	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
83	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
84	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
85	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
86	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
87	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
88	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
89	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
90	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
91	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
92	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
93	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
94	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
95	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
96	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
97	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
98	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
99	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
100	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
101	Phạm xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
102	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
103	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
104	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
105	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
106	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
107	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
108	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
109	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
110	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
111	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
112	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
113	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
114	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
115	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
116	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
117	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
118	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
119	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
120	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
121	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
122	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD					x
123	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
124	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
125	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
126	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
127	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
128	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
129	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
130	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
131	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
132	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
133	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
134	Phạm Thu Uyên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
135	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
136	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
137	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
138	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
139	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
140	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
141	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
142	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
143	Đỗ Đức Ánh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
144	Phạm Đức Quang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
145	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
146	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
147	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
148	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
149	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
150	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
151	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
152	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
153	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
154	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
155	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
156	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
157	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
158	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản		x			
159	Thái Việt Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
161	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
162	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
163	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
164	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
165	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
166	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
167	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
168	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
169	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản			x		
170	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
171	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
172	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
173	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
174	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản		x			
175	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
176	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
177	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
178	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
179	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
180	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
181	Vũ Kim Thư	Khoa Khoa học cơ bản			x		
182	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
183	Lê Thị Thuý Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
184	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
185	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
186	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
187	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x		
188	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
189	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
190	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
191	Dương Thị Mỹ Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
192	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Khoa học cơ bản		x			
193	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Khoa Khoa học cơ bản		x			
194	Đỗ Hữu Hoàng Bách	Khoa Khoa học cơ bản			x		
195	Nguyễn Đức Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
196	Nguyễn Thị Vũ Loan	Khoa Khoa học cơ bản		x			
197	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản					x
198	Đào xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
199	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
200	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
201	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
202	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
203	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
204	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
205	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
206	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
207	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
208	Nguyễn xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
209	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
210	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
211	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
212	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
213	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản			x		
214	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản		x			
215	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
216	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
217	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
218	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
219	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
220	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
221	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
222	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
223	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
224	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
225	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KT Địa chất			x		
226	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
227	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
228	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
229	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
230	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
231	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
232	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
233	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
234	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
235	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
236	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
237	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
238	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
239	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
240	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
241	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
242	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
243	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
244	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
245	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KT Địa chất			x		
246	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
247	Lê xuân Trường	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
248	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
249	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
250	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
251	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KT Địa chất					x
252	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
253	Phạm Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
254	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
255	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
256	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
257	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KT Địa chất			x		
258	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
259	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KT Địa chất	x				
260	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KT Địa chất		x			
261	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị		x			
262	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị		x			
263	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị		x			
264	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị		x			
265	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
266	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị		x			
267	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị		x			
268	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị		x			
269	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị		x			
270	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị		x			
271	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị		x			
272	Nhữ Thành Trung	Khoa Lý luận chính trị					x
273	Nguyễn Thị Hạnh	Khoa Lý luận chính trị		x			
274	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ		x			
275	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ	x				
276	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ		x			
277	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
278	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
279	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ		x			
280	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ			x		
281	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
282	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
283	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ		x			
284	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ					x
285	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ		x			
286	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
287	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
288	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ		x			
289	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
290	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
291	Lâm Kiều Anh	Khoa Mỏ			x		
292	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
293	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
294	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ		x			
295	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ		x			
296	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
297	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
298	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
299	Trần Văn Được	Khoa Mỏ		x			
300	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ		x			
301	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
302	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ		x			
303	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ		x			
304	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ		x			
305	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
306	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
307	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường		x			
308	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
309	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
310	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường		x			
311	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
312	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường		x			
313	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
314	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
315	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường			x		
316	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
317	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường		x			
318	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường		x			
319	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường		x			
320	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			
321	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường					x
322	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				
323	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
324	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
325	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
326	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
327	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
328	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường		x			
329	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
330	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
331	Pham Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
332	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
333	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
334	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
335	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
336	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
337	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
338	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
339	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
340	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
341	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
342	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
343	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
344	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
345	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
346	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
347	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
348	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
349	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
350	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
351	Trần Thuỳ Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
352	Nguyễn Thị Bích Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
353	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
354	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
355	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
356	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
357	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
358	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
359	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
360	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
361	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
362	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
363	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
364	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
365	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
366	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
367	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
368	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
369	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
370	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
371	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
372	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
373	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
374	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
375	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
376	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
377	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
378	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
379	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
380	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
381	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng	x				
382	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng		x			
383	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
384	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
385	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
386	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
387	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
388	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
389	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
390	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
391	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
392	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
393	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng					x
394	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
395	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng		x			
396	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng		x			
397	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng		x			
398	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng		x			
399	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng		x			
400	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án		x			
401	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án		x			
402	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án		x			
403	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	x				
404	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - SV	x				
405	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
406	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
407	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - SV	x				
408	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
409	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
410	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - SV		x			
411	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x			
412	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất		x			
413	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
414	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
415	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
416	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
417	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
418	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
419	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất		x			
420	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
421	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất		x			
422	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
423	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất		x			
424	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
425	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất		x			
426	Phạm Thị Tâm	Phòng Cơ sở vật chất		x			
427	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
428	Đỗ Bảo Anh Phương	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
429	Nhữ Quỳnh Chi	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
430	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo CLGD		x			
431	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo CLGD	x				
432	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học		x			
433	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học	x				
434	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	x				
435	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học		x			
436	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
437	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học		x			
438	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học		x			
439	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học		x			
440	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học		x			
441	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học		x			
442	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	x				
443	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
444	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
445	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
446	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
447	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
448	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
449	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
450	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
451	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
452	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
453	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
454	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
455	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
456	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
457	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
458	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
459	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
460	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
461	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
462	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
463	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
464	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
465	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
466	Trần Thị Xuân	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
467	Trần Duy Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
468	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
469	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
470	Đặng Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
471	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
472	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
473	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
474	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
475	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
476	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
477	Nguyễn Thị Thu	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
478	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
479	Nguyễn Thị Loan	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
480	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học công nghệ	x				
481	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học công nghệ	x				
482	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học công nghệ		x			
483	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học công nghệ		x			
484	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
485	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
486	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
487	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
488	Đặng lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
489	Đồng Hữu Tiến	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
490	Ngô Thị Thảo	Phòng Quan hệ CC và DN			x		
491	Vũ Thị Thúy	Phòng Quan hệ CC và DN			x		
492	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
493	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
494	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
495	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
496	Trịnh Thị Phúc Ngân	Phòng Tổ chức - Cán bộ					x
497	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
498	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x			
499	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản		x			
500	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế	x				
501	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế		x			
502	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế		x			
503	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
504	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ			x		
505	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
506	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
507	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
508	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ		x			
509	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
510	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
511	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
512	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
513	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			
514	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
515	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
516	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
517	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
518	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
519	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
520	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
521	Đặng Thị Hương	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
522	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao		x			
523	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
524	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
525	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
526	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
527	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
528	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
529	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
530	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
531	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
532	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
533	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
534	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
535	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
536	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x			
537	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x			
538	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
539	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể	x				
540	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể	x				
541	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể		x			